

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công nhận kết quả thi**  
**ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Tờ trình số 190/TTr-TTCNTT-TT ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 15/2020, ngày thi 04/12/2020 tại Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng GDCNTX Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thi đạt yêu cầu cho 31 thí sinh đã tham dự Kỳ thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Khóa 15/2020, ngày thi 04/12/2020 theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thanh tra, Trưởng phòng GDCNTX Sở GDĐT, Giám đốc Trung tâm CNTT&TT - Sở TT&TT, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, Phòng GDCNTX.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hồ Giang Long**





**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ  
THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TẠI HỘI ĐỒNG THI TRUNG TÂM CNTT&TT SỞ TT&TT**

**Khóa 15/2020, ngày thi 04/12/2020**

(Kèm theo Quyết định số 3404 /QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc  
Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình)

| TT | SBD         | HỌ VÀ TÊN        |        | NGÀY<br>SINH | NƠI SINH   | ĐIỂM THI |     | KẾT<br>QUẢ | GHI<br>CHÚ |
|----|-------------|------------------|--------|--------------|------------|----------|-----|------------|------------|
|    |             |                  |        |              |            | LT       | TH  |            |            |
| 1  | cb20k15_001 | Trương Thị Ngọc  | Ánh    | 25/08/1991   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 2  | cb20k15_002 | Nguyễn Lê Quốc   | Bảo    | 03/04/1995   | Quảng Bình | 7,1      | 8,5 | Đạt        |            |
| 3  | cb20k15_003 | Đinh Thị Kim     | Cúc    | 12/12/1991   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 4  | cb20k15_004 | Hoàng Thị        | Dịu    | 02/06/1969   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 5  | cb20k15_006 | Hoàng Thị Mỹ     | Duyên  | 10/04/1992   | Quảng Bình | 8,8      | 10  | Đạt        |            |
| 6  | cb20k15_008 | Phan             | Đức    | 15/05/1986   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 7  | cb20k15_010 | Nguyễn Thị Thanh | Hiền   | 16/02/1986   | Quảng Bình | 7,1      | 7,5 | Đạt        |            |
| 8  | cb20k15_012 | Đinh Xuân        | Hiển   | 09/09/1966   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 9  | cb20k15_013 | Lê Thị           | Hòa    | 13/03/1983   | Quảng Bình | 7,1      | 9,0 | Đạt        |            |
| 10 | cb20k15_014 | Phạm Thị Thanh   | Hồng   | 12/06/1982   | Quảng Bình | 7,1      | 7,5 | Đạt        |            |
| 11 | cb20k15_015 | Trần Thị Quý     | Hội    | 15/06/1983   | Quảng Bình | 6,7      | 8,0 | Đạt        |            |
| 12 | cb20k15_016 | Nguyễn           | Huệ    | 20/06/1972   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 13 | cb20k15_017 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  | 06/01/1985   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 14 | cb20k15_018 | Trần Thúy Ngọc   | Huyền  | 16/11/1988   | Quảng Bình | 8,3      | 10  | Đạt        |            |
| 15 | cb20k15_019 | Phạm Thị Thu     | Hương  | 29/04/1991   | Quảng Bình | 6,7      | 10  | Đạt        |            |
| 16 | cb20k15_022 | Nguyễn Thị Mai   | Loan   | 10/12/1984   | Quảng Bình | 7,5      | 9,5 | Đạt        |            |
| 17 | cb20k15_023 | Nguyễn Thị       | Lương  | 05/03/1992   | Quảng Bình | 7,9      | 10  | Đạt        |            |
| 18 | cb20k15_024 | Trần Văn         | Lương  | 10/05/1985   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 19 | cb20k15_025 | Đoàn Thị Hải     | Lý     | 10/10/1983   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 20 | cb20k15_026 | Hoàng Ngọc       | Lý     | 07/05/1970   | Quảng Bình | 9,6      | 7,0 | Đạt        |            |
| 21 | cb20k15_027 | Nguyễn Thị       | Lý     | 16/03/1985   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 22 | cb20k15_029 | Nguyễn Thị Minh  | Mẫn    | 20/01/1988   | Quảng Bình | 8,3      | 8,0 | Đạt        |            |
| 23 | cb20k15_030 | Phan Thị         | Minh   | 08/11/1975   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 24 | cb20k15_031 | Lê Thị Thu       | Ngà    | 02/01/1981   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 25 | cb20k15_032 | Nguyễn Hồng      | Nghiêm | 16/02/1988   | Quảng Bình | 8,8      | 9,5 | Đạt        |            |
| 26 | cb20k15_033 | Trần Ánh         | Ngọc   | 02/02/1975   | Quảng Bình | 6,7      | 8,0 | Đạt        |            |
| 27 | cb20k15_034 | Lê Duy           | Phương | 01/05/1973   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 28 | cb20k15_035 | Phạm Thành       | Tâm    | 16/08/1987   | Quảng Bình | 6,7      | 9,0 | Đạt        |            |
| 29 | cb20k15_038 | Trần Thị Hoài    | Thơm   | 20/03/1983   | Quảng Bình | 7,1      | 7,0 | Đạt        |            |
| 30 | cb20k15_039 | Nguyễn Xuân      | Tương  | 10/04/1972   | Quảng Bình | 6,7      | 7,0 | Đạt        |            |
| 31 | cb20k15_040 | Nguyễn Thị Hải   | Yến    | 12/03/1981   | Quảng Bình | 7,1      | 7,5 | Đạt        |            |

*lay*

Danh sách này có 31 thí sinh./.